

Số: 5917 /VP-VX

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 11 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Kế hoạch bồi dưỡng GV, CBQL cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo Hệ thống thông tin quản lý bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (TEMIS) năm 2022

Kính gửi:

- Các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - Lãnh đạo Sở Y tế;
- tỉnh Sóc Trăng.

Sở Giáo dục và Đào tạo dự thảo Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022 (gọi tắt là dự thảo Kế hoạch), trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Thực hiện Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, Lãnh đạo Sở Y tế đối với dự thảo Kế hoạch nêu trên.

Đề nghị các đồng chí nghiên cứu dự thảo Kế hoạch, cho ý kiến đóng góp bằng văn bản và gửi về **Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 22/11/2022** để tổng hợp, có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến các đơn vị và hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch (trong đó phải có ý kiến thống nhất của Sở Tài chính), trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh **trước ngày 27/11/2022**.

(Dự thảo Kế hoạch được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại địa chỉ vpub.soctrang.gov.vn; mục “Góp ý dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng”).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VX.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Tôn Quang Hoàng



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: /KH-UBND

DỰ THẢO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/08/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04/12/2019 Bộ GDĐT ban hành danh mục các mô đun bồi dưỡng giáo viên phổ thông (GVPT) cốt cán và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (CBQLCSGDPT) cốt cán để thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Kế hoạch số 37/KH-BGDĐT ngày 12/01/2021 của Bộ GDĐT tổ chức bồi dưỡng GV, CBQL cơ sở giáo dục phổ thông, giảng viên sư phạm, giảng viên quản lý giáo dục chủ chốt năm 2021;

Căn cứ Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới của tỉnh Sóc Trăng từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng xây dựng Kế hoạch bồi dưỡng GV, CBQL cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục tổ chức bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán mô đun 6,7,8 theo Quyết định số 4660/QĐ-BGDĐT ngày 04/12/2019 Bộ GDĐT.

Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ quản lý cốt cán (CBQLCC), giáo viên cốt cán (GVCC) trong quá trình tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, kết hợp sinh hoạt tổ chuyên môn và năng lực của từng cá nhân để trau dồi và phát triển chuyên môn cho CBQL và GV đại trà tại địa phương.

2. Yêu cầu

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng được bồi dưỡng. Trong khi thực hiện phải có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các đơn vị, đảm bảo kết quả bồi dưỡng thiết thực, bền vững, hiệu quả cao và đáp ứng đúng thời gian theo kế hoạch.

a. Đối với CBQLCC, GVCC

Thể hiện được vai trò, trách nhiệm trong quá trình bồi dưỡng đội ngũ thực hiện Chương trình GDPT, cần quan tâm:

- Chủ động trao đổi và đề nghị sự hỗ trợ khi cần thiết với giảng viên Trường Đại học phụ trách bồi dưỡng, lãnh đạo và chuyên viên phòng GDĐT, Sở GDĐT để thực hiện tốt nhiệm vụ của CBQLCC và GVCC; giải đáp thắc mắc cho CBQL, GV đại trà tham gia bồi dưỡng trực tuyến trên hệ thống quản lý học trực tuyến (LMS); hỗ trợ kiểm tra, khảo sát, đánh giá phản hồi về lớp học (đảm bảo đúng thời gian và chất lượng).

- Sau thời gian học trực tuyến, CBQLCC và GVCC chủ động trao đổi, liên kết với nhóm CBQL, GV được phân công hướng dẫn về các nội dung cần khắc sâu hoặc những khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ... dưới hình thức sinh hoạt tổ chuyên môn để hỗ trợ học viên.

- Hoàn thành các bài tập trắc nghiệm trên LMS với kết quả ghi nhận ở mức Đạt; không có bài nào không đạt;

- Hoàn thành 100% các nội dung tự học qua mạng;

- Hoàn thành các bài tập thực hành và được giảng viên Trường Đại học phụ trách bồi dưỡng đánh giá ở mức Đạt;

- Tham dự 100% số giờ học qua lớp học ảo (theo kết quả điểm danh);

- Trả lời phiếu khảo sát cuối khóa học;

- Tham dự và trả lời các đợt phỏng vấn chuyên sâu về nội dung và chất lượng tập huấn.

b. Đối với CBQL, GV

Tham gia bồi dưỡng với tinh thần tích cực, chủ động, nghiêm túc, hiệu quả. CBQL, GV phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo đúng kế hoạch với các nhiệm vụ:

- Hoàn thành 100% các nội dung tự học qua mạng;

- Hoàn thành các bài tập trắc nghiệm trên LMS với kết quả ghi nhận ở mức Đạt; không có bài nào không đạt;

- Trả lời phiếu khảo sát cuối khóa học;

- Tham dự và trả lời các đợt phỏng vấn chuyên sâu về nội dung và chất lượng tập huấn.

II. NỘI DUNG

1. Đối tượng, số lượng bồi dưỡng: Giáo viên phổ thông cốt cán, cán bộ quản

lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán bồi dưỡng để tham gia hỗ trợ đồng nghiệp bồi dưỡng thường xuyên: **539** người, trong đó:

TT	Bậc/cấp học	CBQLCC	GVCC	Tổng
1	Tiểu học	35	301	336
2	Trung học cơ sở	19	139	158
3	Trung học phổ thông	5	40	45
Tổng		59	480	539

2. Số lượng giáo viên đại trà, cán bộ quản lý đại trà cần tài khoản để tham gia bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến trên hệ thống LMS: **11.552** người, trong đó:

TT	Bậc/cấp học	CBQL	GV	Tổng
1	Tiểu học	388	5.429	5.817
2	Trung học cơ sở	194	3.777	3.971
3	Trung học phổ thông	103	1.661	1.764
Tổng		685	10.867	11.552

3. Nội dung và cách thức bồi dưỡng

a. Đối với CBQL cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán

Bồi dưỡng các mô đun:

Mô đun 6: Xây dựng văn hóa nhà trường ở trường tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông.

Mô đun 7: Xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong trường tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông.

Mô đun 8: Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trường tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông.

b. Đối với giáo viên phổ thông cốt cán

Bồi dưỡng các mô đun:

Mô đun 6: Xây dựng văn hóa nhà trường ở trường tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông.

Mô đun 7: Thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường trong trường tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông.

Mô đun 8: Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh trường tiểu học/trung học cơ sở/trung học phổ thông.

c. Đối với giáo viên đại trà, cán bộ quản lý đại trà:

Bồi dưỡng thường xuyên các mô đun 6, 7, 8 qua hệ thống LMS dưới sự hướng dẫn của GVCC, CBQLCC

d. Mô hình, hình thức bồi dưỡng:

Mô hình bồi dưỡng: Theo mô hình 7-2-7 đối với mỗi mô đun, trong đó: 7 ngày tự học trên hệ thống LMS, 2 ngày học trực tiếp qua lớp học ảo, 7 ngày tự

học và hoàn thành bài tập trên hệ thống LMS. Học viên hoàn thành khóa bồi dưỡng và đạt yêu cầu sẽ được cấp chứng nhận hoàn thành (có lịch cụ thể);

e. Thời gian bồi dưỡng:

Mô đun 6, 7, 8: Thực hiện trong tháng 11, 12/2022.

4. Kinh phí bồi dưỡng

Tổng kinh phí: 5.082.600.000 (Năm tỷ không trăm tám mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn)

a. Giáo viên phổ thông cốt cán, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông cốt cán bồi dưỡng trực tiếp

TT	Bậc/cấp học	Số người	Số lượng mô đun	Đơn giá	Tổng đơn giá	Tổng thành tiền
1	Tiểu học	336	3	1.000.000	3.000.000	1.008.000.000
2	Trung học cơ sở	158	3	1.000.000	3.000.000	474.000.000
3	Trung học phổ thông	45	3	1.000.000	3.000.000	135.000.000
Tổng		539				1.617.000.000

Bảng chữ: Một tỷ sáu trăm mười bảy triệu đồng chẵn.

b. Tài khoản giáo viên đại trà, cán bộ quản lý đại trà học trực tuyến trên hệ thống LMS

TT	Nội dung	Số người	Tiền thuê tài khoản	Tổng thành tiền
1	Tiểu học	5.817	300.000	1.745.100.000
2	Trung học cơ sở	3.971	300.000	1.191.300.000
3	Trung học phổ thông	1.764	300.000	529.200.000
Tổng		11.552		3.465.600.000

Bảng chữ: Ba tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.

5. Nguồn kinh phí bồi dưỡng

a. Đối với CBQL, GV trực thuộc phòng GD&ĐT

Kinh phí bồi dưỡng các mô đun và mở tài khoản cho CBQL, GV: Ngân sách cấp huyện

b. Đối với CBQL, GV các vị trực thuộc Sở GD&ĐT

Kinh phí bồi dưỡng các mô đun và mở tài khoản cho CBQL, GV: Ngân sách tỉnh.

6. Nguồn kinh phí thực hiện.

Kinh phí triển khai thực hiện kế hoạch được đảm bảo từ nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách: Ngân sách cấp tỉnh từ nguồn kinh phí sự nghiệp

giáo dục đã giao về Sở Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 3476/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng; Ngân sách cấp huyện

III. CÁC CÔNG VIỆC CỤ THỂ

TT	Nội dung hoạt động	Thời gian	Đơn vị/cá nhân phụ trách	Sản phẩm
1	Bồi dưỡng Mô đun 6,7,8 cho GVCC, CBQLCC: 1. CBQLCC, GVCC bồi dưỡng theo môn hình 7-2-7 đối với mỗi mô đun, trong đó: 7 ngày tự học trên hệ thống LMS, 2 ngày học qua lớp học ảo do Trường Đại học phụ trách giảng dạy, 7 ngày tự học và hoàn thành bài tập trên hệ thống LMS	Tháng 11,12	Sở GDĐT phối hợp với Trường Đại học	Hoàn thành Mô đun 6,7,8
2	Triển khai Mô đun 6,7,8 cho giáo viên đại trà, cán bộ quản lý đại trà: 1. CBQL, GV đại trà từ lớp 1 - lớp 12 tự bồi dưỡng trực tuyến và hoàn thành các nội dung trên hệ thống LMS.	Có lịch sau	CBQL, GV đại trà từ lớp 1 - lớp 12	100% nội dung được hướng dẫn
	2. CBQLCC, GVCC thực hiện kế hoạch hỗ trợ đồng nghiệp, giải đáp, hướng dẫn các nội dung trên hệ thống LMS, sinh hoạt tổ chuyên môn.		CBQLCC, GVCC	100% các nội dung được hướng dẫn
	3. CBQLCC, GVCC đánh giá CBQL, GV đại trà từ lớp 1 - lớp 12 các nội dung trên hệ thống LMS.		CBQLCC, GVCC đại trà từ lớp 1 - lớp 12	100% các nội dung được hướng dẫn
3	Kiểm tra kết quả, cấp giấy chứng nhận hoàn thành khoá bồi dưỡng cho GVCC, CBQLCC	Tháng 12	Trường Đại học	Giấy chứng nhận
4	Tổng kết, rút kinh nghiệm, đề xuất nội dung cải tiến cho khoá tiếp theo	Tháng 12	Trường Đại học Sở GDĐT/ Phòng GDĐT.	

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

Cơ quan chủ trì triển khai, thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ

quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022, có trách nhiệm phối hợp với các Sở ban ngành liên quan, các UBND huyện, thị xã, thành phố cụ thể hoá nội dung Kế hoạch thành các chương trình, kế hoạch chi tiết để chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện.

Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022 để báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phối hợp với Báo Sóc Trăng, Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng tổ chức tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022.

2. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

3. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, hướng dẫn việc bồi dưỡng CBQL, GV cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các cơ quan thông tin, truyền thông tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức toàn xã hội về vai trò, vị trí, của giáo dục trong giai đoạn hiện nay đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trước yêu cầu đổi mới về ý nghĩa và tầm quan trọng việc thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan ở địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022 trên địa bàn; kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết việc thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022 tại địa phương.

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan cấp tỉnh để chỉ đạo thống nhất, đồng bộ, phù hợp với yêu cầu, kế hoạch chung của tỉnh đối với việc triển khai thực hiện bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022 trên địa bàn quản lý.

6. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh

Quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động liên quan đến công tác quản lý dạy học, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong đơn vị mình.

Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022 phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị nhằm nâng dần chất lượng giáo dục. Tạo điều kiện cho giáo viên được tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được nhiệm vụ, mục tiêu Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và xây dựng Báo cáo TEMIS năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- Báo Sóc Trăng, Đài PTTHST;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Diễm Ngọc

PHỤ LỤC 1
DỰ TRÙ KINH PHÍ BỒI DƯỠNG GVCC, CBQLCC THEO MÔ HÌNH 7-2-7
CÁC MÔ ĐUN 6, 7, 8 THUỘC CÁC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Số lượng GVCC cấp Tiểu học	Số lượng CBQL CC cấp tiểu học	Số lượng GVCC cấp THCS	Số lượng CBQL CC cấp THCS	Tổng số lượng GVCC, CBQL CC	Số lượng mô đun	Đơn giá	Tổng đơn giá	Tổng thành tiền
01	Châu Thành	19	3	12	1	35	3	1.000.000	3.000.000	105.000.000
02	Cù Lao Dung	16	2	12	2	32	3	1.000.000	3.000.000	96.000.000
03	Kế Sách	41	7	16	2	66	3	1.000.000	3.000.000	198.000.000
04	Long Phú	38	3	11	2	54	3	1.000.000	3.000.000	162.000.000
05	Mỹ Tú	31	4	8	1	44	3	1.000.000	3.000.000	132.000.000
06	Mỹ Xuyên	36	3	12	2	53	3	1.000.000	3.000.000	159.000.000
07	Thạnh Trị	16	2	10	2	30	3	1.000.000	3.000.000	90.000.000
08	Trần Đề	34	3	14	2	53	3	1.000.000	3.000.000	159.000.000
09	Sóc Trăng	15	1	9	1	26	3	1.000.000	3.000.000	78.000.000
10	Ngã Năm	14	3	11	2	30	3	1.000.000	3.000.000	90.000.000
11	Vĩnh Châu	41	4	11	2	58	3	1.000.000	3.000.000	174.000.000
	Tổng cộng	301	35	126	19	481				1.443.000.000

Số tiền bằng chữ: Một tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn./.

PHỤ LỤC 2
DỰ TRÙ KINH PHÍ BỒI DƯỠNG GVCC, CBQLCC THEO MÔ HÌNH 7-2-7
CÁC MÔ ĐUN 6, 7, 8 TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Số lượng GV CC cấp TH CS	Số lượng GV CC cấp TH PT	Số lượng CB QL CC cấp TH PT	Tổng số lượng GVCC, CBQL CC	Số lượng mô đun	Đơn giá	Tổng đơn giá	Tổng thành tiền
01	Trường THPT Lê Văn Tám		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
02	Trường THCS và THPT Dương Kỳ Hiệp	1	1		2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
03	Trường THCS và THPT Mỹ Thuận	1	1		2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
04	Trường THPT Thành phố Sóc Trăng		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
05	Trường THPT Đoàn Văn Tố		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
06	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	1	1		2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
07	Trường THPT Lịch Hội Thượng		1	1	2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
08	Trường THPT Đại Ngãi		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
09	Trường THCS và THPT Lai Hòa	1	1		2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
10	Trường THPT Hòa Tú		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
11	Trường THPT An Thạnh 3		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
12	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
13	Trường THPT Thiều Văn Chỏi		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000

STT	Đơn vị	Số lượng GV CC cấp TH CS	Số lượng GV CC cấp TH PT	Số lượng CB QL CC cấp TH PT	Tổng số lượng GVCC, CBQL CC	Số lượng mô đun	Đơn giá	Tổng đơn giá	Tổng thành tiền
14	Trường THPT Văn Ngọc Chính		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
15	Trường THPT Kế Sách		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
16	Trường THPT Lương Định Của		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
17	Trường THCS và THPT Khánh Hòa	1	1		2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
18	Trường THPT Ngọc Tố		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
19	Trường THPT Phú Tâm		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
20	Trường THCS và THPT Trần Đề	2	1		3	3	1.000.000	3.000.000	9.000.000
21	Trường THCS và THPT Long Hưng	2	1	1	4	3	1.000.000	3.000.000	12.000.000
22	Trường THPT Phan Văn Hùng	1	1		2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
23	Trường THPT Mỹ Hương	1	1		2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
24	Trường THPT An Ninh		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
25	Trường THPT Ngã Năm		1	1	2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
26	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	1	1		2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
27	Trường PTDTNT THCS và THPT Thạnh Phú		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
28	Trung tâm GDTX Sóc Trăng		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
29	Trường THPT An Lạc Thôn		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
30	Trường THPT Nguyễn Khuyến		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
31	Trường THPT chuyên Nguyễn Thị Minh Khai		1	1	2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
32	Trường THPT Vĩnh Hải		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000

STT	Đơn vị	Số lượng GV CC cấp TH CS	Số lượng GV CC cấp TH PT	Số lượng CB QL CC cấp TH PT	Tổng số lượng GVCC, CBQL CC	Số lượng mô đun	Đơn giá	Tổng đơn giá	Tổng thành tiền
33	Trường THPT Trần Văn Bảy		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
34	Trường THPT Hoàng Diệu		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
35	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
36	Trường THPT Mỹ Xuyên		1	1	2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
37	Trường THCS và THPT Hưng Lợi	1	1		2	3	1.000.000	3.000.000	6.000.000
38	Trường THPT Mai Thanh Thế		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
39	Trường THPT Thuận Hoà		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
40	Trường THPT Thạnh Tân		1		1	3	1.000.000	3.000.000	3.000.000
	Tổng cộng	13	40	5	58				174.000.000

Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi bốn triệu đồng chẵn./.

PHỤ LỤC 3
DỰ TRÙ KINH PHÍ THUÊ TÀI KHOẢN BỒI DƯỠNG THƯỜNG
XUYỀN TRỰC TUYẾN CHO GV ĐẠI TRÀ, CBQL ĐẠI TRÀ TRÊN HỆ
THỐNG LMS THUỘC CÁC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Số lượng	Tiền thuê tài khoản	Thành tiền
01	Châu Thành	786	300.000	235.800.000
02	Cù Lao Dung	490	300.000	147.000.000
03	Kê Sách	1139	300.000	341.700.000
04	Long Phú	756	300.000	226.800.000
05	Mỹ Tú	850	300.000	255.000.000
06	Mỹ Xuyên	1158	300.000	347.400.000
07	Thạnh Trị	689	300.000	206.700.000
08	Trần Đề	955	300.000	286.500.000
09	Sóc Trăng	879	300.000	263.700.000
10	Ngã Năm	631	300.000	189.300.000
11	Vĩnh Châu	986	300.000	295.800.000
	Tổng cộng	9.319		2.795.700.000

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ bảy trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC 4
DỰ TRÙ KINH PHÍ THUÊ TÀI KHOẢN BỒI DƯỠNG THƯỜNG
XUYỀN TRỰC TUYẾN TRÊN HỆ THỐNG LMS CHO GV ĐẠI TRÀ,
CBQL ĐẠI TRÀ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

STT	Đơn vị	Số lượng	Tiền thuê tài khoản	Thành tiền
01	Trung Tâm GDTX tỉnh Sóc Trăng	21	300.000	6.300.000
02	Trường Bồ Túc Văn Hóa Pali Trung Cấp Nam Bộ	21	300.000	6.300.000
03	Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật	21	300.000	6.300.000
04	Trường PT DTNT THCS và THPT Thạnh Phú	35	300.000	10.500.000
05	Trường THCS và THPT DTNT Vĩnh Châu	36	300.000	10.800.000
06	Trường THCS và THPT Dương Kỳ Hiệp	54	300.000	16.200.000
07	Trường THCS và THPT Hưng Lợi	55	300.000	16.500.000
08	Trường THCS và THPT Khánh Hòa	58	300.000	17.400.000
09	Trường THCS và THPT Lai Hòa	64	300.000	19.200.000
10	Trường THCS và THPT Long Hưng	44	300.000	13.200.000
11	Trường THCS và THPT Mỹ Thuận	55	300.000	16.500.000
12	Trường THCS và THPT Tân Thạnh	54	300.000	16.200.000
13	Trường THCS và THPT Trần Đề	68	300.000	20.400.000
14	Trường THPT An Lạc Thôn	98	300.000	29.400.000
15	Trường THPT An Ninh	34	300.000	10.200.000
16	Trường THPT An Thạnh 3	61	300.000	18.300.000
17	Trường THPT Chuyên Nguyễn Thị Minh Khai	83	300.000	24.900.000
18	Trường THPT Đại Ngãi	51	300.000	15.300.000
19	Trường THPT Đoàn Văn Tố	46	300.000	13.800.000
20	Trường THPT DTNT Huỳnh Cương	41	300.000	12.300.000
21	Trường THPT Hòa Tú	41	300.000	12.300.000
22	Trường THPT Hoàng Diệu	94	300.000	28.200.000
23	Trường THPT Huỳnh Hữu Nghĩa	45	300.000	13.500.000
24	Trường THPT Kế Sách	75	300.000	22.500.000
25	Trường THPT Lê Văn Tám	73	300.000	21.900.000
26	Trường THPT Lịch Hội Thượng	45	300.000	13.500.000
27	Trường THPT Lương Định Của	39	300.000	11.700.000
28	Trường THPT Mai Thanh Thế	71	300.000	21.300.000
29	Trường THPT Mỹ Hương	57	300.000	17.100.000
30	Trường THPT Mỹ Xuyên	67	300.000	20.100.000
31	Trường THPT Ngã Năm	28	300.000	8.400.000
32	Trường THPT Ngọc Tố	29	300.000	8.700.000
33	Trường THPT Nguyễn Khuyến	52	300.000	15.600.000
34	Trường THPT Phan Văn Hùng	83	300.000	24.900.000
35	Trường THPT Phú Tâm	38	300.000	11.400.000

STT	Đơn vị	Số lượng	Tiền thuê tài khoản	Thành tiền
36	Trường THPT Thành phố Sóc Trăng	87	300.000	26.100.000
37	Trường THPT Thạnh Tân	31	300.000	9.300.000
38	Trường THPT Thiều Văn Chỏi	60	300.000	18.000.000
39	Trường THPT Thuận Hoà	61	300.000	18.300.000
40	Trường THPT Trần Văn Bảy	83	300.000	24.900.000
41	Trường THPT Văn Ngọc Chính	46	300.000	13.800.000
42	Trường THPT Vĩnh Hải	28	300.000	8.400.000
	Tổng cộng	2.233		669.900.000

Số tiền bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng chẵn./.